

Số: /BC-STTTT

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 202

BÁO CÁO

Tổng kết công tác ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023

Thực hiện chương trình công tác năm của ngành Thông tin và Truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2023, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 như sau:

1. Bưu chính

1.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

Tổng sản lượng thư đạt 415.713 (tăng 35,56%); Tổng sản lượng gói kiện đạt 1.305.471 (tăng 26,67%); Tổng sản lượng KT1 đạt 69.539 (giảm 2%); Tổng sản phẩm địa phương đã tham gia sàn thương mại Potsmart.vn đạt 997 sản phẩm (tăng 37,41 %); Tỷ lệ sản phẩm OCOP tham gia sàn thương mại đạt 100%; Số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích đạt 860/148.962 (chiếm 0,58%, tăng 106,73 %); Số hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích đạt 45.974/140.408 (chiếm 32,74 %, tăng 62,88%).

1.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Nghị quyết tỉnh ủy: 0 văn bản; Nghị quyết Hội đồng nhân dân: 0 văn bản; Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 0 văn bản; Quyết định UBND 0 văn bản; Chỉ thị của UBND tỉnh: 0 văn bản; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: 02 văn bản; Kế hoạch Sở Thông tin và truyền thông 03; Văn bản chỉ đạo của Sở TTTT: 12 văn bản.

Trên địa bàn có 19 doanh nghiệp hoạt động, Trong đó có 6 doanh nghiệp, 8 chi nhánh, 5 văn phòng đại diện. Nhìn chung, các doanh nghiệp bưu chính hoạt động đảm bảo đúng quy định pháp luật, chưa phát sinh vấn đề bất cập trong quản lý nhà nước.

1.3. Một số kết quả nổi bật

Triển khai thành công chương trình hỗ trợ và đã đưa được 100% sản phẩm OCOP địa phương tham gia sàn thương mại điện tử.

Tích hợp, kết nối các sàn thương mại điện tử trên Hue-S hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng hóa lên các sàn thương mại điện tử thông qua qua một nền tảng kết nối.

Triển khai thành công mô hình địa chỉ số tại xã Phong An, qua đó, 100% hộ gia đình và nhân khẩu trong hộ gia đình được số hóa, chuẩn hóa thông tin và gắn địa chỉ QR và một số tiện ích số cho hộ gia đình trên Hue-S.

1.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Các doanh nghiệp hoạt động bưu chính phát triển nhanh mạnh. Tuy nhiên quy định về quản lý các doanh nghiệp hoạt động nhượng quyền thương mại chưa được cụ thể hóa ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

1.5. Khó khăn, tồn tại

Sự chủ động của doanh nghiệp Bưu chính thực hiện nhiệm vụ bưu chính công ích trên địa bàn chưa cao.

Người dân chưa tham gia nhiều vào dịch vụ công trực tuyến thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

Kết nối dịch vụ của Postmart với các hộ kinh doanh, hộ gia đình sản phẩm địa phương chưa được tốt.

1.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước, tăng cường công tác hậu kiểm trong hoạt động bưu chính tại địa phương.

Thúc đẩy mạnh kết nối doanh nghiệp, hộ kinh doanh tham gia mạnh mẽ vào thương mại điện tử, kết hợp thúc đẩy nền tảng kết nối một điểm tại Hue-S.

Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, đa dạng hóa các hình thức cung ứng dịch vụ đồng thời với việc thúc đẩy người dân tham gia dịch vụ công trực tuyến thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

Nhân rộng, số hóa địa chỉ số trên toàn địa bàn tỉnh hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung cho các bào toán quản lý nhà nước và chia sẻ, cung cấp dịch vụ dữ liệu cho doanh nghiệp khai thác. Tích hợp liên thông với cơ sở dữ liệu dùng địa chỉ số Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.7. Kiến nghị, đề xuất

Hiện nay, sang thương mại điện tử Postmart đang tập trung vào nông sản, sản phẩm OCOP là còn hạn chế các loại hình hàng hóa, dịch vụ của các ngành nghề khác trên địa bàn, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số bất cập trong các khâu thực hiện. Vì vậy, kính đề nghị Bộ thông tin và Truyền thông xem xét đánh giá chỉ số phát triển thương mại điện tử trong Bộ chỉ số chuyển đổi số theo hướng tổng hợp toàn bộ các dịch vụ hàng hóa, sản phẩm có cung cấp tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử mà không chỉ riêng sang Postmart.

Kính đề nghị Bộ xem xét hỗ trợ giải pháp quản lý các doanh nghiệp bưu chính trong loại hình chuyển nhượng thương mại.

2. Viễn thông

2.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

100% thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng; 100% thôn được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH); 13% trạm BTS dùng chung vị trí; 100% dùng chung cột treo cáp; 38% dùng chung cống bể cáp; 90% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; 84% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang; 100% UBND cấp xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 70 thuê bao băng

rộng di động (BRĐĐ)/100 dân; 81% thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (SMP)/tổng thuê bao điện thoại di động; 23 thuê bao băng rộng cố định (BRCD)/100 dân; Tốc độ BRĐĐ (4G) đạt 38.05 Mbps; Tốc độ BRCD đạt 86.15 Mbps; 100% vi phạm về tần số qua rà soát được kiểm tra xử lý; 100% đài truyền thanh không dây trên địa bàn đang hoạt động đều có giấy phép sử dụng tần số; 26,89 %, tàu cá có thiết bị giám sát hành trình đã được cấp phép.

2.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Nghị quyết tỉnh ủy: 0; Nghị quyết Hội đồng nhân dân: 0 văn bản; Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 02 văn bản; Quyết định UBND 0 văn bản; Chỉ thị của UBND tỉnh: 0 văn bản; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: 05 văn bản; Kế hoạch Sở Thông tin và truyền thông 06; Văn bản chỉ đạo của Sở TTTT 57 văn bản.

Trên địa bàn có 7 doanh nghiệp viễn thông đang hoạt động (doanh nghiệp viễn thông di động toàn cầu - Gtel đã ngừng cung cấp các dịch vụ viễn thông). Nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động đảm bảo đúng quy định pháp luật, chưa phát sinh vấn đề bất cập trong quản lý nhà nước.

2.3. Một số kết quả nổi bật

Triển khai mô hình mạng lưới doanh nghiệp trên Hue-S nhằm xử lý vấn đề rác rưởi trên địa bàn góp phần đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị trên địa bàn. Trong năm 2023, đã tiếp nhận và xử lý 209 phản ánh về rác rưởi viễn thông; trong đó đã xử lý 200 phản ánh trong hạn (95,7%); 09 phản ánh quá hạn (4,3%). Tỷ lệ hài lòng của người dân: 77,6%

Triển khai mô hình điểm trạm BTS thân thiện, tích hợp (BTS, Điện chiếu sáng, Camera, Wifi) tại một số tuyến đường và khu du lịch. Qua đó làm cơ sở xây dựng kế hoạch nhân rộng tại các tuyến đường chính nhằm giải quyết vấn đề thu trạm tại nhà dân, các khu đô thị, khu du lịch nhằm đảm bảo mỹ quan, thúc đẩy phát triển các giải pháp số cho du lịch và khắc phục được các hạn chế về đất công trong phát triển trạm BTS hướng tới phủ sóng 5G

Đến nay đã ngầm hóa toàn bộ cáp và dây thuê bao tại 35 tuyến đường, đã hoàn thành công bê, chờ hạ ngầm: 7 tuyến và đang thi công công bê: 4 tuyến. Hoàn thành chỉnh trang bó gọn 167 tuyến.

Đã phối hợp cùng các doanh nghiệp đầu tư Trạm BTS phủ sóng di động tại tuyến đường La Sơn – Túy Loan, Cam lộ-La sơn đảm bảo thông tin liên lạc trong quá trình di chuyển.

2.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Hiện nay, việc phát triển Trạm BTS đang gặp khó khăn đối với khu vực sử dụng tài sản công.

2.5. Khó khăn, tồn tại

Xã hội hóa các trạm BTS dùng chung là một chủ trương và giải pháp quan trọng nhằm phát triển hạ tầng số, 5G cho tương lai. Tuy nhiên, việc các doanh

nghiệp tham gia chưa đảm điều kiện về dài lâu trong việc duy tu, bao dưỡng hằng năm.

Thừa Thiên Huế với đặc thù thường xuyên bão lụt, việc đảm bảo an toàn xây dựng các trạm BTS được em là nhiệm vụ trọng tâm của ngành. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số công trình cột ăng ten của Doanh nghiệp viễn thông di động toàn cầu (Gtel) đã ngừng hoạt động nhưng không tháo dỡ ảnh hưởng đến tâm lý hoang mang, bức xúc của người dân mỗi khi đến mùa bão lụt. Tuy tỉnh đã có nhiều văn bản và làm việc song vẫn không có chuyển biến nhiều.

Một số chỉ tiêu về dịch vụ viễn thông tại bộ Chỉ số DTI và DII chưa đồng nhất dẫn đến lúng túng trong việc triển khai các giải pháp tại địa phương.

2.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước tại địa phương, tăng cường công tác hậu kiểm trong hoạt động viễn thông tại địa phương.

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu về bộ chỉ số hạ tầng số trên địa bàn.

Thúc đẩy doanh nghiệp dùng chung hạ tầng và phát triển Trạm BTS theo hướng thân thiện môi trường.

Phối hợp với Sở Xây dựng tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình trạm BTS của các đơn vị xã hội hóa trên địa bàn, có giải pháp triệt để đối với các đơn vị chậm trễ trong việc duy tu bảo dưỡng các công trình.

Phối hợp với Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng, Chi cục thủy sản, các đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin vệ tinh như VNPT, Viettel, các Đài Thông tin duyên hải tuyên truyền, kiểm tra và hỗ trợ việc cấp phép cho thiết bị giám sát hành trình đặt trên phương tiện tàu cá

2.7. Kiến nghị, đề xuất

Chỉ tiêu về tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh trong bộ chỉ số DTI có cách hướng dẫn tính toán khác với bộ chỉ số DII, xem lại để thống nhất phương pháp tính phù hợp.

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông chia sẻ dữ liệu về thuê bao điện thoại, internet để địa phương kết nối dữ liệu dân cư nhằm có số liệu chính xác về hộ gia đình sử dụng điện thoại thông minh.

Đề nghị Bộ thông tin và Truyền thông chỉ đạo Doanh nghiệp Gtel triển khai việc thu hồi các tài sản công trình cột ăng ten trên địa bàn tỉnh.

3. Chính quyền số

3.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

100% các cơ quan Nhà nước kết nối hạ tầng mạng mạng chuyên dùng của Chính phủ; 100% UBND cấp xã có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng mô hình Một cửa điện tử hiện đại; 100% UBND cấp huyện có phòng họp trực tuyến; 100% các cơ quan nhà nước trong tỉnh duy trì sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều

hành của tỉnh và thư điện tử công vụ phục vụ hoạt động của đơn vị; 100% các văn bản được các cơ quan nhà nước trong tỉnh trao đổi hoàn toàn dưới dạng văn bản điện tử (trừ văn bản mật) và sử dụng chữ ký số; 100% cơ quan đơn vị tham gia kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức đủ điều kiện toàn trình; 61% số hồ sơ phát sinh trực tuyến; 100% TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến; 100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); 48% (11/23) số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại tỉnh.

3.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Nghị quyết tỉnh ủy: 0 văn bản; Nghị quyết Hội đồng nhân dân: 0 văn bản; Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 05 văn bản; Quyết định UBND: 04 văn bản; Chỉ thị của UBND tỉnh: 0 văn bản; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: 02 văn bản; Kế hoạch Sở Thông tin và truyền thông: 10 văn bản; Văn bản chỉ đạo của Sở TTTT: 03 văn bản.

Nhìn chung, các cơ quan hành chính nhà nước đã có chuyển biến lớn về nhận thức, tác động mạnh mẽ vào quá trình xây dựng và phát triển chính quyền số tại tỉnh.

3.3. Một số kết quả nổi bật

Nâng cấp toàn diện Cổng dịch vụ công tỉnh đảm bảo theo tiêu chí của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tích hợp toàn diện dịch vụ công trực tuyến trên nền tảng Hue-S. Đặc biệt, các điều kiện cơ bản đảm bảo cho dịch vụ công trực tuyến đều được tích hợp sẵn sàng và người dân khi có nhu cầu có thể kích hoạt ngay trên Hue-S mà không cần tiếp cận trực tiếp các dịch vụ cung cấp dịch vụ. Cụ thể: Tài khoản dịch vụ công được chuẩn hóa 100% bằng tài khoản định danh điện tử (Công dân tỉnh chỉ cần sử dụng một tài khóa duy nhất cho các nền tảng); Tài khoản thanh toán điện tử được tích hợp ví điện tử trên Hue-S và kết nối doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ đăng ký mở trực tuyến; Chữ ký số cũng đã được hơn 5 doanh nghiệp tích hợp lên Hue-S sẵn sàng cung cấp trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp khi phát sinh nhu cầu; Dịch vụ bưu chính công ích được tích hợp thành một lựa chọn trên Cổng dịch vụ công và Hue-S khi người dân sử dụng dịch vụ trực tuyến.

Nền tảng làm việc số với mô hình tích hợp lại tất cả các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền điện tử, mô hình hơn 23 quy trình số đã tạo ra một nền tảng thống nhất trong hoạt động quản lý nhà nước, thực thi công vụ của công chức, viên chức trên một nền tảng thống nhất bao gồm (Quản lý công việc, văn bản, lịch công tác, xử lý dịch vụ công, xử lý phản ánh hiện trường, nhận góp ý người dân, trả lời câu hỏi người dân; hợp không giấy tờ .v.v.).

Báo cáo số đã được vận hành trên cơ sở tổng hợp các dữ liệu đã có từ các năm trước được chuẩn hóa, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia được công bố, sử dụng kết quả dữ liệu trong nền tảng làm việc số, thu thập dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu

chuyên ngành để phân tích tạo lập báo cáo số đáp ứng mô hình quản lý toàn diện từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Bản đồ số mới mô hình 3D, tích hợp hơn 30 lớp hiện trạng và hơn 30 lớp quy hoạch đã hình thành một mô hình quản lý hiệu quả, bước đầu đã hỗ trợ nhiều cho hoạt động đánh giá và khảo sát thực trạng. Đồng thời, dữ liệu bản đồ số cũng được chuẩn hóa thống nhất làm dữ liệu đầu vào cung cấp cho việc nghiên cứu của nhà đầu tư, các đơn vị tư vấn quy hoạch.

Mô hình triển khai mạng lưới cho các Tổ chức đoàn thể trên Hue-S bước đầu phát huy hiệu quả tại Ban Dân Vận tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo tỉnh ủy; Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội phụ nữ; Phong trào ngày Chủ nhật xanh.

Triển khai nền tảng hợp không giấy tờ trên cơ sở hình thành quy trình số áp dụng khép kín từ khâu lập lịch, đến hoạt động tương tác trong cuộc họp, lấy ý kiến, biểu quyết trên nền tảng số thay cho hoạt động truyền thống. Đặc biệt, đã triển khai 100% Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong kỳ họp cuối năm.

3.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Hiện nay, các bộ ngành trung ương đã và đang phát triển mạnh các nền tảng số, nâng cấp và phát triển công dịch vụ công, triển khai các dữ liệu dùng chung cấp quốc gia. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, kết nối, chia sẻ liên thông, một số bộ ngành Trung ương chưa qua trục quốc giá (theo quy định ...) đang rất khó khăn trong việc kiểm soát, bên cạnh đó chất lượng nền tảng và dữ liệu đôi lúc còn chưa đảm bảo phải nhiều lần sửa đổi. Vấn đề này đã tạo ra áp lực rất lớn và tốn nhiều nguồn lực của địa phương, đặc biệt là việc xử lý các nguồn kinh phí cho các hoạt động này một số do thời gian yêu cầu cấp bách nên không thể xử lý kịp đúng quy định.

Bộ chỉ số chuyển đổi số quốc gia (DTI) quy định các nền tảng trong chính quyền số, tuy nhiên, khái niệm còn chung chung và chưa có hướng dẫn cụ thể dẫn đến việc lúng túng trong quá trình tham mưu các bài toán và danh mục đầu tư hiệu quả.

Tổ Công nghệ số cộng đồng tại tỉnh vừa qua đã phát huy lớn nhưng kết quả đạt được trong việc tuyên truyền tại cơ sở, tiếp cận trực tiếp bà con nhân dân hỗ trợ nâng cao kỹ năng số, tập huấn nghiệp vụ Hue-S, đặc biệt đã tham gia số hóa hơn 100 địa chỉ số với ... nhâu khẩu được xác minh thuộc địa chỉ số qua cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư như số hóa các dữ liệu hiện tại hạ tầng số và hiện trạng hạ tầng khác tại địa phương. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ cho Tổ Công nghệ số cộng đồng chưa có quy định cụ thể dẫn đến việc quản lý và định hướng bền vững cho sứ mệnh Tổ công nghệ số cộng đồng chưa được triển khai.

3.5. Khó khăn, tồn tại

Hoạt động liên thông dịch vụ công với các bộ, ngành trung ương hiện đang được thực hiện thường xuyên liên tục, yêu cầu từ trung ương thường là cấp bách với thời gian ngắn, quy trình một số nơi còn chưa thống nhất .v.v. đã ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển dịch vụ công cũng như chất lượng cung ứng dịch vụ công trực tuyến. Việc đổi mới quy trình đang rất khó khăn vì quy định hành chính đang chưa điều chỉnh theo kịp.

Các nền tảng chính quyền số yêu cầu lớn về dữ liệu. Tuy nhiên, công tác số hóa về dữ liệu chưa được các sở ngành, địa phương quan tâm, đặc biệt là việc xác định mức độ ưu tiên dữ liệu chưa nghiêm túc đánh giá triển khai.

3.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Hoàn chỉnh hạ tầng dùng chung, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh theo mô hình điện toán đám mây đủ năng lực phục vụ cho công tác chuyển đổi số.

Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, đặc biệt là số lượng người dân tham gia sử dụng đăng ký dịch vụ công trực tuyến.

Mở rộng mô hình và phổ biến toàn tỉnh chuyển đổi 3 nền tảng chính quyền số (nền tảng làm việc số, nền tảng báo cáo số, nền tảng bản đồ số) vào hoạt động thống nhất, hiệu quả.

3.7. Kiến nghị, đề xuất

Bộ thông tin cần ban hành Kiến trúc chính quyền số, kiến trúc chuyển đổi số để các địa phương áp dụng triển khai.

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp giám sát việc tuân thủ kiến trúc trogn quá trình liên thông, chia sẻ các nền tảng số của bộ ngành, địa trung ương với địa phương.

Một số kinh phí trong bộ chỉ số huyện đổi số quốc gia DTI đang áp theo giá trị cố định tối đa là chưa hợp lý. Vì vậy, kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số, đặc biệt trong bộ chỉ số chuyển đổi số cần điều chỉnh lại theo tỷ lệ % nhằm phù hợp với điều kiện thu chi ngân sách của từng địa phương.

4. Xã hội số

4.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

79,17% người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử; 75% người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch điện tử; 25% người dân ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân. 100% hộ gia đình có địa chỉ số; 79,1 người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông;

4.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Nghị quyết tỉnh ủy: 0 ; Nghị quyết Hội đồng nhân dân: 0; Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 01; Quyết định UBND 0; Chỉ thị của UBND tỉnh: 0; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: 03 ; Kế hoạch Sở Thông tin và truyền thông 0; Văn bản chỉ đạo của Sở TTTT: 01

Tỉnh đã tổ chức nhiều chương trình hướng dẫn, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số và thực hiện có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến trong đó chú trọng đến các nhóm có trình độ công nghệ thông tin hạn chế, dân tộc thiểu số. Từ đó, người dân đã có nhiều thay đổi tích cực về nhận thức, tác động mạnh mẽ vào quá trình xây dựng và phát triển công dân số, xã hội số trên địa bàn.

4.3. Một số kết quả nổi bật

Triển khai chương tạo lập tài khoản số cho người dân thông qua hoạt động chuẩn hóa thông tin với tài khoản định danh điện tử (VNeID), qua đó 100% người dân trên địa bàn sử dụng thống nhất một tài khoản cho các hoạt động nền tảng số phục vụ người dân trên địa bàn (VNeID; Hue-S, Dịch vụ công trực tuyến, kết nối cơ quan nhà nước .v.v).

Tích hợp các nền tảng ví điện tử trên Hue-S, kết nối với các doanh nghiệp, tổ chức tài chính triển khai công cụ sẵn sàng đăng ký trực tuyến mở tài khoản thanh toán điện tử qua ví điện tử, tài khoản ngân hàng điện tử mọi lúc mọi nơi khi công dân có nhu cầu.

Phối hợp với 5 doanh nghiệp cung cấp chữ ký số triển khai nền tảng đăng ký cung cấp chữ ký số trên Hue-S, tích hợp ký trên cổng dịch vụ công của tỉnh. Qua đó tạo sự chủ động cho người dân khi có nhu cầu có thể đăng ký trực tuyến cấp chữ ký số ngay trên Hue-S được liên kết với các doanh nghiệp. Đến nay, có gần 12.000 chữ ký số được đăng ký và cấp phát cho người dân thông qua hình thức trực tuyến trên Hue-S.

Phối hợp với Cục C06 - Bộ Công an triển khai hoạt động chuẩn hóa đại chỉ số kết hợp số hóa địa chỉ hộ gia đình với xác thực thông tin nhân khẩu, bổ sung số hóa các dữ liệu hạ tầng số liên quan đến hộ gia đình và cá nhân và cung cấp dịch vụ số trên nền tảng địa chỉ số được chuẩn hóa (Ứng dụng Nhà của tôi trên Hue-S). Kết hợp với Đề án 06 số hóa hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh và xây dựng thành dữ liệu dùng chung cho chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo.

Triển khai cuộc thi trực tuyến trên Hue-S nhằm nâng cao nhận thức số trong dân. Qua cuộc thi đã thu hút 38.759 người dân tham gia.

Duy trì và phát triển dịch vụ phản ánh hiện trường, tiếp thu ý kiến và triển khai nền tảng hỏi đáp dùng chung toàn tỉnh nhằm thu hút người dân tham gia phản ánh, góp ý, tương tác cùng giải quyết các vấn đề tại địa phương và chính quyền. Trong năm đã tiếp nhận 26.079 phản ánh, 96 góp ý và trả lời 835 câu hỏi của người dân và doanh nghiệp.

4.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động quản lý số liệu tài khoản thanh toán điện tử trong dân chưa được quy định cụ thể, số liệu chưa được chính xác về tận cơ sở, hộ gia đình và chưa kịp thời.

4.5. Khó khăn, tồn tại

Dữ liệu địa chỉ số của Bru điện triển khai xây dựng còn nhiều sai sót dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng.

Việc xác nhận thông tin về cá nhân (Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo) đang được triển khai một cách thủ công hành chính, chưa khai thác được dữ liệu số đã được chuẩn hóa đã chiếm nhiều nguồn lực thu thập, xác nhận lại của địa

phương cũng như ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các chương trình hỗ trợ từ quỹ viễn thông công ích cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh.

Việc nâng cao nhận thức số trong dân thông qua các nền tảng hiện đang được triển khai bởi nhiều chương trình của các Bộ, ngành trung ương (Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an .v.v.) dẫn đến việc lúng túng trong quá trình triển khai tại địa phương, đặc biệt đã tạo ra sự lúng túng trong sự thống nhất của người dân và công chức, viên chức khi áp dụng nền tảng, tài khoản định danh và một số vấn đề liên quan.

4.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Đẩy mạnh nhân rộng mô hình công dân số, đặc biệt là kỹ năng số và chủ động tạo lập các tài sản số cá nhân trực tuyến (Tài khoản định danh số, tài khoản thanh toán điện tử, chữ ký số) trên nền tảng Hue-S.

Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu địa chỉ số kết hợp với dữ liệu nhân khẩu số, hạ tầng số tại hộ gia đình, triển khai các dịch vụ tiện ích thông qua địa chỉ số nhằm cung cấp các tiện ích số cơ bản thiết yếu cho người dân.

Đẩy mạnh hoạt động đào tạo trực tuyến hướng đến phổ cập kỹ năng số trong dân thông qua nền tảng số OneTouch và các nền tảng khác được tích hợp trên Hue-S.

Áp dụng trí tuệ nhân tạo vào nền tảng phản ánh hiện trường, nền tảng kết nối công dân doanh nghiệp nhằm tối ưu và thúc đẩy hoạt động của người dân tham gia vào giải quyết các vấn đề của chính quyền và xã hội.

4.7. Kiến nghị, đề xuất

Các chỉ số về xã hội số được thu thập từ nguồn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông quan tâm đến hoạt động tổng hợp và chia sẻ kịp thời cho địa phương nhằm đánh giá và có phương án nâng cao chất lượng tại địa phương.

Đề nghị Bộ quan tâm đẩy nhanh chương trình phổ cập internet và thiết bị di động thông tin cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Việc đánh giá số lượng người dân tham gia vào nền tảng số nâng cao nhận thức trong dân và toàn xã hội ngoài việc đánh giá dữ liệu thông qua nền tảng OneTouch, kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông mở rộng thêm các nền tảng khác mà địa phương đã triển khai hiệu quả có chứng minh bằng dữ liệu.

5. Kinh tế số

5.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 11%; 6,33% doanh nghiệp số; 4,23% doanh nghiệp nền tảng số; 79% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx; 60,6% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện; 100% doanh nghiệp nộp thuế điện; 100% số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định; Số lượng tên miền.vn đạt 4.429 tăng 46,66 %

5.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Nghị quyết tỉnh ủy: 0; Nghị quyết Hội đồng nhân dân: 0; Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 01; Quyết định UBND: 0; Chỉ thị của UBND tỉnh: 0; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: 03; Kế hoạch Sở Thông tin và truyền thông 01; Văn bản chỉ đạo của Sở TTTT: 01

Hoạt động các doanh nghiệp trên địa bàn được tạo điều kiện thuận lợi, nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động đảm bảo đúng quy định pháp luật, chưa phát sinh vấn đề bất cập trong quản lý nhà nước.

5.3. Một số kết quả nổi bật

Với việc tích hợp thành công ví điện tử, Hue-S đã góp phần thúc đẩy kinh tế số thông qua việc cung cấp giải pháp thanh toán liền mạch. Đến nay đã có trên 72.300 tài khoản đăng ký thành công ví điện tử, mở 694 điểm chấp nhận thanh toán qua Hue-S.

Trong năm đã tiến hành tổ chức công bố các hoạt động thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt như tuyên phổ không dùng tiền mặt, lắp QR thanh toán tại các cơ sở kinh doanh .v.v.

Đã tích hợp nền tảng kết nối các sàn thương mại điện tử trên Hue-S hỗ trợ doanh nghiệp, hộ sản xuất nông nghiệp cung cấp qua một kênh kết nối đồng thời giúp quảng bá sản phẩm của địa phương.

Năm học 2023-2024, 100% cơ sở giáo dục toàn tỉnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có hình thức thanh toán không dùng tiền mặt trên nền tảng Hue-S (thực hiện trên Hue-S với 6.123 giao dịch, tổng số tiền là 2,235 tỷ đồng).

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp với nhiều chính sách hỗ trợ kèm theo những giải pháp nhằm thúc đẩy các nền tảng số cho doanh nghiệp được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố. Đến nay đã triển khai hơn 5 chương trình, hội nghị, hội thảo.

5.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Hiện nay, việc đánh giá kết quả đóng góp kinh tế số vào GRDP của địa phương đang thực hiện bởi 2 cơ quan với 2 số liệu khác nhau (Vụ Kinh tế số - Bộ Thông tin và Truyền thông và Tổng cục thống kê – Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Ngoài ra, một số nội dung cũng chưa rõ ràng, thống nhất nên dẫn đến việc có số liệu đánh giá tham mưu hoạch định chính sách thúc đẩy kinh tế số tại địa phương là rất khó khăn, vướng nhiều về cơ sở căn cứ và cách đo lường.

5.5. Khó khăn, tồn tại

Công tác quản lý thúc đẩy kinh tế số, xã hội số là dữ liệu phục vụ quản lý kinh tế số và xã hội số còn hạn chế.

Sự chủ động tham gia chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn một số còn hạn chế, chưa trở thành một phong trào sâu rộng. Vai trò của các hiệp hội

doanh nghiệp chưa phát huy, thường xuyên, liên tục, chưa trở thành tổ chức dẫn dắt doanh nghiệp tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

5.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Tham mưu UBND tỉnh các chính sách nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số, doanh nghiệp nền tảng số trên địa bàn. Chủ động kết nối với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong kêu gọi đầu tư và phát triển doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh. Đồng thời hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đang hoạt động phát triển mạnh và ổn định. Tăng tỷ lệ doanh nghiệp SMEs trên địa bàn được tiếp cận các nền tảng số.

Đẩy mạnh các giải pháp thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, hàng hóa lên sàn thương mại điện tử kết hợp với các hoạt động phối hợp nhằm thúc đẩy các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong dân.

Phân tích, tổng và hợp và tập trung mạnh vào việc hỗ trợ các doanh nghiệp, ngành nghề có đóng góp chính vào kinh tế số trên địa bàn.

Tổ chức các biện pháp duy trì các chỉ số đạt mục tối đa đảm bảo ổn định và tăng cường các giải pháp nâng cao hiệu quả.

5.7. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất với Bộ Kế hoạch Đầu tư thống nhất phương án và sớm có hướng dẫn các địa phương về bộ chỉ số đánh giá đóng góp của kinh tế số vào GRDP tại địa phương.

Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét chỉ số sản lượng sản phẩm hàng hóa dịch vụ trên sàn thương mại điện tử Postmart theo hướng mở rộng thêm các số liệu từ nguồn các sàn thương mại điện tử phổ biến khác đang được người dân quan tâm sử dụng.

6. An toàn thông tin

6.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

80% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên; 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; 100% máy chủ tại Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh được giám sát theo giải pháp phòng, chống tấn công có chủ đích; 85% máy trạm có kết nối mạng MetroNet được cài đặt phần mềm diệt virus và giám sát mã độc; 100% IP botnet được phát hiện xử lý; 100% hệ thống cơ quan nhà nước được giám sát, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia theo chỉ số DTI.

6.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Nghị quyết tỉnh ủy: 0 văn bản; Nghị quyết Hội đồng nhân dân: 0 văn bản; Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 02 văn bản ; Quyết định UBND: 1 văn bản; Chỉ thị của UBND tỉnh: 0 văn bản; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: 0 văn bản; Kế hoạch Sở Thông tin và Truyền thông: 01 văn bản; Văn bản chỉ đạo của Sở TTTT: 8 văn bản.

Các cơ quan hành chính nhà nước bước đầu đã có thay đổi căn bản về nhận thức an toàn thông tin, một số biện pháp chủ động đã được triển khai và dần đi vào nề nếp.

6.3. Một số kết quả nổi bật

Triển khai mô hình trực tiếp kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn thông tin mạng - Cục An toàn thông tin, Tập đoàn Viettel, BKAV, FPT, CMC trong việc đảm bảo an toàn thông tin tại hệ thống của tỉnh.

Triển khai và vận hành nền tảng giám sát an toàn thông tin

Tổ chức nhiều cuộc diễn tập an toàn thông tin trong quy mô cấp tỉnh cũng như cấp sở ngành, địa phương.

Đã phối hợp cùng công an tỉnh kiểm tra 10 đơn vị trong cơ quan nhà nước vi phạm an toàn thông tin đối với máy tính công vụ.

Phát hiện vào chủ động xử lý 67 sự cố an toàn thông tin.

6.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Căn cứ theo bộ chỉ số DTI thì nguồn đầu tư cho hoạt động đảm bảo an toàn thông tin là cao hơn so với khả năng ngân sách địa phương, một số chỉ tiêu khoán cứng số đầu tư tối đa dẫn đến không đảm bảo nguồn lực của địa phương.

6.5. Khó khăn, tồn tại

Việc đầu tư cho đảm bảo an toàn thông tin tuy đã quan tâm nhiều, song vẫn chưa đáp ứng với tốc độ phát triển, tình hình diễn biến phức tạp về an toàn thông tin trên thế giới cũng như sự phát triển các nền tảng và dữ liệu cần tâm bảo vệ.

Hạ tầng tại một số sở ngành, địa phương còn hạn chế, cấu hình quá thấp không đủ năng lực triển khai các giải pháp đồng bộ, tập trung.

Nhân lực đang còn mỏng và năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao, phức tạp.

6.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước. Tăng cường giám sát và cảnh báo đồng thời có biện pháp đối với các đơn vị, địa phương chưa đảm bảo điều kiện.

Tăng cường tổ chức diễn tập với quy mô cấp tỉnh, mở rộng các mô hình diễn tập quy mô cấp huyện qua đó giúp chính quyền địa phương nhận diện rõ hơn thực trạng nhằm có những giải pháp phù hợp, kịp thời.

Tổ chức triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm hoàn thiện các chỉ số DTI.

6.7. Kiến nghị, đề xuất

Không

7. Công nghiệp số

7.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

Toàn tỉnh có khoảng 342 doanh nghiệp CNTT và truyền thông. Trong đó, về lĩnh vực, ngành nghề về kinh doanh, mua bán, sửa chữa các thiết bị máy tính và điện tử có 167 doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 50,42%; 95 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phần mềm, 6 doanh nghiệp nội dung số và 74 doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ CNTT (49,58%). Doanh thu của các doanh nghiệp này trong năm 2022 khoảng 2.278 tỷ đồng, trong năm 2023 ước tính 2.483 tỷ đồng.

7.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Nghị quyết tỉnh ủy: 0 văn bản; Nghị quyết Hội đồng nhân dân: 0 văn bản; Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 0 văn bản; Quyết định UBND: 0 văn bản; Chỉ thị của UBND tỉnh: 0 văn bản; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: 01 văn bản; Kế hoạch Sở Thông tin và truyền thông: 0 văn bản; Văn bản chỉ đạo của Sở TTTT: 0 văn bản

7.3. Một số kết quả nổi bật

UBND tỉnh đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi về xúc tiến đầu tư và chính sách để phát triển doanh nghiệp công nghệ số. Ngoài ra, UBND tỉnh đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đơn vị doanh nghiệp như FPT, Vietsoftpro, Brycen, 3S nghiên cứu đầu tư các dự án liên quan đến công nghệ số.

Về nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT): Thừa Thiên Huế có lợi thế về nhân lực CNTT sẵn có. Toàn tỉnh có 9/14 trường đại học, cao đẳng có ngành đào tạo liên quan đến CNTT. Các trường đại học, cao đẳng có tăng số lượng sinh viên đầu ra hằng năm.

7.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Không

7.5. Khó khăn, tồn tại

Quá trình tiến hành các thủ tục đầu tư dự án về công nghệ thông tin vẫn còn gặp các vướng mắc liên quan đến đất đai, quy hoạch sử dụng đất nên làm chậm tiến trình đầu tư.

7.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Phối hợp triển khai các giải pháp phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai các thủ tục đầu tư khu công nghệ thông tin tập trung và các dự án đầu tư về CNTT.

7.7. Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông quan tâm hỗ trợ, định hướng, cho phép và tạo điều kiện tỉnh Thừa Thiên Huế lập Hồ sơ đề cương báo cáo dự án Khu Công nghệ thông tin tập trung tỉnh Thừa Thiên Huế sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

8. Báo chí, truyền thông

8.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

100% cơ quan báo chí địa phương đảm bảo Quy hoạch báo chí; 85% sóng phát thanh được phủ trên địa bàn tỉnh; 97% sóng truyền hình trên được phủ địa bàn tỉnh; 100% Công, trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước, các cơ quan báo chí địa phương có chuyên mục chuyên đổi số; 100% tin bài theo quy định được đăng trên Công thông tin điện tử tỉnh; 100% tin bài theo quy định được đăng trên Trang thông tin điện tử đài truyền hình TRT; 100% tin bài theo quy định được đăng trên Trang thông tin điện tử báo Thừa Thiên Huế; 100% tin bài theo quy định được đăng trên hệ thống phát thanh cơ sở; 100% TTHC thuộc lĩnh vực Báo chí – Phát thanh truyền hình – Thông tin điện tử được giải quyết đúng quy trình, nhanh, chính xác, đảm bảo yêu cầu đơn giản hóa TTHC.

8.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 06; Kế hoạch Sở Thông tin và Truyền thông: 05; Văn bản chỉ đạo của Sở: 290 văn bản chỉ đạo, định hướng tuyên truyền, 272 văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý; 64 báo cáo các nội dung kinh – xã hội theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và yêu cầu của các cơ quan, đơn vị liên quan; 02 Quyết định công bố TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực báo chí, TTĐT-PTTH thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.

Sở luôn tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, thông tin điện tử, mạng xã hội. Nhìn chung, các đơn vị đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phản ánh nhanh nhạy, đầy đủ kịp thời tình hình, sự kiện thời sự chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, QPAN,... đặc biệt là công tác tuyên truyền Chuyển đổi số, Nghị quyết 54 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

06 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đang hoạt động; 23 trang TTĐT tổng hợp được cấp phép, hoạt động đúng chức năng được quy định tại Nghị định 72 và Nghị định 27/2018/NĐ-CP.

8.3. Một số kết quả nổi bật

Tiếp tục triển khai và nâng cấp phần mềm “Mạng lưới phát ngôn” trên Hue-S, thông qua đó đã tạo lập phương thức kết nối giữa phóng viên báo chí với cơ quan nhà nước thông qua hình thức trực tuyến trên môi trường số. Đồng thời “Mạng lưới phát ngôn” cũng là kênh thông tin giúp cơ quan nhà nước nhận giấy mời từ cơ quan nhà nước tham gia các sự kiện cần có mặt báo chí, cũng là nơi cơ quan nhà nước chủ động cung cấp thông tin truyền thông chính sách cho cơ quan báo chí. Đến nay, đã có 41 câu hỏi được phóng viên báo chí gửi tương tác trên hệ thống.

Triển khai nền tảng theo dõi báo chí phục vụ cho lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Trong năm 2023 đã thực hiện xác minh 37.527 bài báo viết về tỉnh Thừa Thiên Huế.

Xây dựng Đề án truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2035 và cụ thể hóa kế hoạch hợp tác với các cơ quan báo chí thông qua hình thức đặt hàng trực tiếp năm 2024.

Xây dựng và vận hành thành công Cổng thông tin đối ngoại theo hình thức kết nối và thu thập dữ liệu từ nguồn trực tiếp các sở, ngành địa phương có liên quan trên cơ sở một nền tảng.

Đã phối hợp với Cục Thông tin đối ngoại và các ban ngành liên quan tổ chức thành công Chương trình "Ngày hội thăm tình hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào năm 2023" tại tỉnh Thừa Thiên Huế (Diễn ra từ ngày 11 – 15/11/2023).

Thực hiện đầu tư, trao thiết bị trao tặng trang bị, phương tiện hiện đại phục vụ công tác thông tin tuyên truyền, TTĐN cho đồn biên phòng Nhâm (Thôn A Bả, Xã Quảng Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế); Chủ trì, hợp tác với Trung tâm Truyền hình Việt Nam Khu vực Miền Trung – Tây Nguyên xây dựng phóng sự tuyên truyền, quảng bá giá trị di sản Văn hóa Huế đến với đông đảo khán giả trong và ngoài nước (Phát trên kênh VTV8 và kênh truyền hình đối ngoại VTV4).

Tập hợp, chọn lọc các sản phẩm truyền thông nổi bật để đăng tải trên cổng Vietnam.vn nhằm quảng bá hình ảnh tỉnh Thừa Thiên Huế đến đông đảo độc giả trong và ngoài nước.

8.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Không

8.5. Khó khăn, tồn tại

Hiện nay, vẫn còn tình trạng một số phóng viên thuộc các báo, tạp chí Trung ương và địa phương khác hoạt động chưa đúng tôn chỉ, mục đích và không thực hiện đăng ký tại Sở Thông tin và Truyền thông gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về báo chí trên địa bàn.

Vẫn tồn tại các luận điệu xuyên tạc, chống phá, thông tin trái chiều trên mạng xã hội, đối tượng chống phá thường đặt máy chủ ở nước ngoài, các tài khoản facebook, thường dấu kín thông tin cá nhân, ảnh đại diện, các trang thông tin điện tử không xác định được thông tin liên hệ, không dùng tên miền .vn, nên công tác xác minh, đấu tranh gặp nhiều khó khăn.

8.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Triển khai toàn diện các hoạt động quản lý báo chí, mạng xã hội trong giai đoạn tiếp theo.

Nâng cao kỹ năng sử dụng và vận hành phần mềm Mạng lưới phát ngôn; Vận động phóng viên, cộng tác viên các cơ quan báo chí tích cực thực hiện tương tác với cơ quan chính quyền thông qua hệ thống mạng lưới phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Triển khai hiệu quả kế hoạch đặt hàng báo chí năm 2024 theo định hướng phát triển của tỉnh.

Triển khai thực hiện các nội dung theo quy chế phối hợp giữa các ngành: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Công an Tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông... về việc xử lý khủng hoảng truyền thông, cung cấp, định hướng thông tin đối với các tin, bài vi phạm, thiếu chính xác trên báo chí.

Tăng cường chỉ đạo, quản lý, kiểm soát chặt chẽ thông tin mạng xã hội phát sinh đột xuất, thường xuyên và kịp thời tham mưu đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật. Kịp thời phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu đề xuất xử lý những thông tin xấu độc, không có lợi xuất hiện trên các nền tảng cung cấp thông tin xuyên biên giới.

Lồng ghép, triển khai hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, đẩy mạnh truyền thông trên báo chí, các kênh mạng xã hội đối với công tác thông tin, truyền thông và thông tin đối ngoại và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Tiếp tục vận hành, quản lý hiệu quả cơ sở dữ liệu về thông tin đối ngoại tỉnh Thừa Thiên Huế.

8.7. Kiến nghị, đề xuất

Không

9. Xuất bản

9.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

100% đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xuất bản – in – phát hành hoạt động đúng quy định, không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật; 100% TTHC thuộc lĩnh vực XB-IN-PH được giải quyết đúng quy trình, nhanh, chính xác, đảm bảo yêu cầu đơn giản hóa TTHC.

9.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 01 kế hoạch; Kế hoạch Sở Thông tin và truyền thông: 01 Kế hoạch; Văn bản chỉ đạo của Sở Thông tin và Truyền thông: 05 văn bản; 06 Quyết định công bố TTHC sửa đổi, bổ sung lĩnh vực xuất bản – in – phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông.

Trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có 02 nhà xuất bản, 16 công ty in và 09 đơn vị phát hành xuất bản phẩm.

Về cơ bản, hoạt động xuất bản vẫn giữ được sự ổn định và có sự tăng trưởng cả về số cuốn và số bản so với cùng kỳ năm ngoái. Nội dung và chất lượng xuất bản phẩm ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người đọc, góp phần tích cực vào việc tuyên truyền phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao dân trí, phát triển kinh tế - văn hoá...

9.3. Một số kết quả nổi bật

Năm 2023, các NXB đã tổ chức xuất bản 315 đầu sách, với hơn 185.000 bản in; đạt doanh thu hơn 2.58 tỷ đồng; tổng số xuất bản phẩm phát hành đạt 956,000 bản; tổng số văn phòng phẩm phát hành là 186,552 bản, số tạp chí là 450 cuốn.

Tổng doanh thu tính đến tháng 11/2023 đạt hơn 46,2 tỷ đồng, thu nhập bình quân 6 triệu đồng/tháng.

Chất lượng sản phẩm in ấn của các đơn vị in cơ bản đáp ứng được nhu cầu nhiều mặt, đa dạng của thị trường trong tỉnh và khu vực, với chất lượng và giá cả phù hợp. Tổng số trang in đạt hơn 20.5 tỷ trang, tổng doanh thu hơn 37 tỷ đồng. Đảm bảo thu nhập bình quân 6 triệu/tháng cho 110 lao động.

Tổ chức thành công Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ 2 năm 2023 và Hội sách Quốc gia; đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương, các cơ quan xuất bản – in – phát hành trên địa bàn tỉnh triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ và phù hợp điều kiện thực tế.

9.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Theo điểm b khoản 2 Điều 44 Luật Xuất bản năm 2012, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho “Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc cư trú tại địa phương; chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức ở trung ương đặt tại địa phương”. Tuy nhiên, trong thời gian qua có một cá nhân và cơ sở phát hành ở địa phương khác, đề nghị cấp phép tổ chức hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng lại vướng quy định tại Luật Xuất bản. Đây cũng là hoạt động góp phần phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng tại địa phương, do đó đề xuất sớm sửa đổi các quy định phân cấp về việc cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm để giải quyết vướng mắc trong việc thực hiện TTHC này.

9.5. Khó khăn, tồn tại

Công tác quản lý nhà nước về hoạt động photocopy đã được phân cấp về UBND cấp huyện. Tuy nhiên hiện nay, việc quản lý hoạt động của các cơ sở photocopy tại các địa phương chưa được thực hiện chặt chẽ, dễ dẫn đến tình trạng vi phạm như nhân bản, in lậu sách trái phép. Bên cạnh đó, công tác thống kê, báo cáo định kỳ chưa được các địa phương thực hiện nghiêm túc.

9.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực xuất bản – in – phát hành. Theo dõi chặt chẽ hoạt động của các NXB, công ty in, đơn vị phát hành xuất bản phẩm, các cơ sở photocopy...trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng công tác thẩm định hồ sơ, cấp phép các TTHC: Xuất bản tài liệu không kinh doanh, Cấp GP hoạt động in XBP, Cấp GP tổ chức Hội chợ/triển lãm XBP, nhập khẩu XBP không kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Sở thực hiện công tác hậu kiểm, nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm.

Tiếp tục phối hợp hiệu quả với các ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức thành công hoạt động hưởng ứng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ 3 năm 2024 tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

9.7. Kiến nghị, đề xuất

Không

10. Nhân lực số

10.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã ban hành quyết định phân công nhân sự chuyên trách, kiểm nhiệm chuyển đổi số; 100% cơ quan ngành dọc có cán bộ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên ngành; 8% sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành liên quan chuyển đổi số trên hơn 10.000 sinh viên; 100% các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp; các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở); 100% các Trường Trung học phổ thông và Trung học cơ sở giảng dạy bộ môn tin học; 100% các địa phương cấp xã đã thành lập tổ công nghệ số cộng đồng.

10.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Nghị quyết tỉnh ủy: 0 văn bản; Nghị quyết Hội đồng nhân dân: 0 văn bản; Kế hoạch Ủy ban nhân dân: 0 văn bản; Quyết định UBND: 0 văn bản; Chỉ thị của UBND tỉnh: 0 văn bản; Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: 0 văn bản; Kế hoạch Sở Thông tin và truyền thông: 05 văn bản; Văn bản chỉ đạo của Sở TTTT: 0 văn bản

10.3. Một số kết quả nổi bật

Triển khai nền tảng số hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng, qua đó đã phát huy hiệu quả thông qua việc đồng hành cùng với chính quyền địa phương tổ chức phổ biến kỹ năng số trong dân. Đặc biệt đã hỗ trợ chuẩn hóa thông tin hơn 96,876 địa chỉ số, 309,111 nhân khẩu, gần 1 triệu thông tin trường dữ liệu về hạ tầng số theo địa chỉ số. Phối hợp hoàn thiện mô hình số hóa hạ tầng xã Phong An với hơn 30 lớp hiện trạng và hơn 30 lớp quy hoạch.

Triển khai thu hút hơn 500 lượt công chức, viên chức người đăng ký tham gia các lớp học trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà (One touch) do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Tổ chức nền tảng đào tạo và khảo thí trực tuyến trên Hue-S đã thu hút tham gia hơn 38,759 người dân đăng ký tham gia.

Tổ chức 01 lớp đào tạo kiến thức CNTT chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT (35 học viên); tập huấn an toàn thông tin cho cán bộ công chức các cấp - 14 lớp (517 học viên); đào tạo nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, chuyên đề “Xây dựng văn hóa Chính quyền số” cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh (10 lớp - 647 học viên).

10.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Các trường đại học, cao đẳng có tăng số lượng sinh viên đầu ra về CNTT, chuyển đổi số hằng năm trung bình hàng năm khoảng 800, tuy nhiên số sinh viên có chất lượng tốt ở lại tỉnh làm việc không cao do thiếu chính sách thu hút nhân

lực CNTT, nhân lực chuyển đổi số. Do vậy, nhân lực CNTT chưa đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp CNTT.

10.5. Khó khăn, tồn tại

Cán bộ chuyên trách chuyển đổi số đang thực hiện nhiều nhiệm vụ trong cơ quan, đơn vị ảnh hưởng đến công tác tham mưu triển khai chuyển đổi số của từng đơn vị.

10.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Triển khai các nội dung theo Kế hoạch số 355/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh về việc phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025.

Tham mưu giải pháp nhằm nâng cao năng lực tổ Công nghệ số cộng đồng, sớm thực hiện được mục tiêu sứ mệnh của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương.

Tiếp tục kiện toàn cán bộ kiêm nhiệm chuyển đổi số đến các đơn vị cấp phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố.

Xây dựng các chính sách, chương trình đãi ngộ để thu hút các chuyên gia, nhân sự cao cấp tham gia vào hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ công chức viên chức.

10.7. Kiến nghị, đề xuất

Tăng cường nguồn lực nhằm đào tạo kỹ năng chuyển đổi số đối với cán bộ công chức viên chức và người dân trên toàn tỉnh, đặc biệt thông qua các nền tảng Hue-S.

Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ Thừa Thiên Huế tích hợp nền tảng đào tạo trực tuyến xã hội trên Hue-S.

Cần có chính sách thu hút nhân lực CNTT, khuyến khích học sinh theo học ngành CNTT.

11. Dịch vụ đô thị thông minh

11.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

100% dịch vụ đô thị thông minh được tích hợp lên Hue-S đi vào cuộc sống, được người dân và doanh nghiệp tham gia sử dụng.

11.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Không phát sinh nhiệm vụ

11.3. Một số kết quả nổi bật

Nền tảng Hue-S đã hoàn thành mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 12 của Tỉnh ủy. Đến nay đã có hơn 1 triệu lượt tải về, 912,081 tài khoản đăng ký trong đó: 787,895 tài khoản của người dân tỉnh Thừa Thiên Huế, 124,186 tài khoản phát sinh từ 52 tỉnh/ thành phố và hơn 15 quốc gia và vùng lãnh thổ có người dân tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống và làm việc.

11.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Hiện nay chưa có tiêu chí cụ thể để chấm điểm và xác định độ trưởng thành của các dịch vụ đô thị thông minh nói riêng và đô thị thông minh nói chung.

11.5. Khó khăn, tồn tại

Tốc độ phát triển về công nghệ, nhu cầu người dân ngày càng nhiều, yêu cầu càng cao đang trở thành áp lực lớn của đơn vị

11.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Tập trung giải pháp phân tích dữ liệu trên cơ sở các nguồn dữ liệu được tích lũy trong quá trình triển khai mô hình dịch vụ đô thị thông minh từ đó đánh giá, tổng kết và xây dựng phát triển mô hình phù hợp trong giai đoạn mới.

11.7. Kiến nghị, đề xuất

Bộ thông tin sớm ban hành kiến trúc và bộ chỉ số đánh giá trưởng thành về dịch vụ đô thị thông minh nói riêng và đô thị thông minh nói chung.

12. Thanh tra, kiểm tra

12.1. Chỉ tiêu, mục tiêu

100% các cuộc thanh tra theo kế hoạch được thực hiện, 100% các cuộc kiểm tra theo kế hoạch được thực hiện; 100% việc tiếp nhận, phân loại, xử lý và giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo và phản ánh kiến nghị.

12.2. Hoạt động quản lý nhà nước

Trong lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, Sở Thông tin và Truyền thông bám sát chỉ đạo, định hướng của cấp trên đã ban hành **06 văn bản** quản lý, triển khai nhiệm vụ được giao. (Phụ lục kèm theo).

Chỉ đạo Thanh tra sở tăng cường công tác theo dõi, giám sát và đấu tranh xử lý thông tin mạng xã hội (thông tin mạng với ưu điểm lan tỏa thông tin nhanh, rộng, người dùng dễ sử dụng); thẩm tra, xác minh và xây dựng cơ sở dữ liệu về admin các fanpage, group facebook để quản lý và kịp thời xử lý các vi phạm.

Nhìn chung, qua công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý đơn thư, phản ánh đã kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, lệch lạc và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đã góp phần tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, các doanh nghiệp/hộ kinh doanh cá thể tuân thủ và chấp hành tốt các quy định của pháp luật về quản lý chuyên ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh.

12.3. Một số kết quả nổi bật

Tổng số tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra: 04 cơ quan, đơn vị hành chính; 40 tổ chức, doanh nghiệp và 210 hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh. Qua thanh tra, kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, xử lý nghiêm 07 cá nhân và 01 tổ chức đã có hành vi phạm pháp luật; tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 51,5 triệu đồng; đã nộp xong vào Kho bạc nhà nước là 51,5 triệu đồng (đạt tỷ 100% đã nộp).

Tiếp nhận và xử lý, giải quyết dứt điểm 08 đơn thư và 224 phản ánh của công dân trên Hue –S thuộc thẩm quyền của Sở Thông tin và truyền thông (đạt tỷ lệ 100%); không có đơn thư phức tạp, tồn đọng kéo dài.

Công tác phòng, chống tham nhũng triển khai tốt các giải pháp, thường xuyên quán triệt đến 100% CBCC, VC của đơn vị; không có trường hợp nào vi phạm về công tác phòng, chống tham nhũng.

Thông tin mạng xã hội: xây dựng được cơ sở dữ liệu để quản lý hơn 146 tài khoản fanpage, group facebook có lượng tương tác lớn, chủ động trong quản lý, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vi phạm về đăng tải thông tin lên mạng xã hội. Tổ chức hội nghị phổ biến các quy định quản lý thông tin mạng và các chế tài xử lý vi phạm cho admin các fanpage, group facebook trên địa bàn tỉnh.

12.4. Vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước

Lĩnh vực bưu chính: hiện nay Luật Bưu chính hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa quy định rõ việc xác định, phân định giữa hàng hóa và bưu kiện, bưu phẩm dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong công tác kiểm tra, thanh tra đối với loại hình kinh doanh xe vận tải chở các gói hàng, gói kiện mà không đăng ký hoạt động bưu chính - chuyển phát.

12.5. Khó khăn, tồn tại

Lĩnh vực thông tin mạng xã hội: Các fanpage, tài khoản facebook thường ẩn thông tin người thiết lập và quản lý sử dụng nên rất khó để xác định và chứng minh chủ admin các tài khoản này; Các trang thông tin điện tử có tên miền nước ngoài, máy chủ đặt tại nước ngoài do đó rất khó khăn trong công tác xác định danh tính chính xác.

Lĩnh vực viễn thông: Thực tế sim di động kích hoạt sẵn thông tin ở ngoài tỉnh rồi đưa vào sử dụng trong tỉnh vẫn còn, rất khó kiểm tra, xử lý, dẫn đến tình trạng rải quảng cáo tin dụng đen, phát tán tin nhắn rác,... rất khó khăn cho công tác đấu tranh xử lý (cụ thể: qua thẩm tra, xác minh 100% các thuê bao di động phát tán tin nhắn rác đều đăng ký thông tin ở ngoài tỉnh).

12.6. Giải pháp và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

Căn cứ kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp được UBND tỉnh phê duyệt năm 2024 và các nội dung quản lý ngành có dư luận xã hội, phản ánh của công dân, có dấu hiệu vi phạm qua theo dõi, quản lý,..để chỉ đạo Thanh tra triển khai thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý ngành, nâng cao vai trò quản lý nhà nước trên lĩnh vực được giao.

Triển khai thực hiện quy định của Luật Thanh tra năm 2022 và Nghị định của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành sau khi được Chính phủ ban hành.

Hoàn thành 100% việc tiếp nhận, phân loại, xử lý và giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo và phản ánh kiến nghị. Không để đơn thư tồn đọng, phức tạp kéo dài.

Triển khai tốt công tác phòng, chống tham nhũng trong đơn vị; không để xảy ra có công chức, viên chức vi phạm về tham nhũng, nhũng nhiễu, vòi vĩnh,.. trong thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao.

12.7. Kiến nghị, đề xuất: không.

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai nhiệm vụ 2023 và một số nhiệm vụ trong năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Các phòng và TT IOC;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Sơn